TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**63/2020**/HNGĐ – ST
Ngày:05/11/2020
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kim Sa Pha**

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông **Lâm Ngọc Hà**
- Ông **Nguyễn Văn Ngư**

Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Việt Trung** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Mộng Kiều** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 192/2020/TLST – HNGĐ ngày 04/8/2020; Về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2020/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2020/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: Khu Phố P, phường X, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Giang Quốc N, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2020, các chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:*

Chị H với anh Giang Quốc N cưới nhau vào ngày 19/02/2019, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình anh N tại ấp B, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Giang Hào L, sinh ngày 31/8/2019. Đến cuối năm 2019 thì giữa chị với anh N xảy ra mâu thuẫn, do anh N không quan tâm đến chị và con, thường xuyên uống rượu bia, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và chị dẫn con về quê tại Phú Yên sinh sống. Nay hôn nhân giữa chị với anh N không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để tiếp

tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh Giang Quốc N theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Cháu Giang Hồng Lĩnh, sinh ngày 31/8/2019, hiện chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ bị đơn anh Giang Quốc N trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống vợ chồng, việc đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Theo anh N, trong cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị H có mâu thuẫn, có cự cãi nhau, anh có uống rượu bia nhưng mâu thuẫn vợ chồng không có gì nghiêm trọng, do chị H muốn về gia đình của chị H ở Phú Yên để sinh sống, anh không đồng ý nên chị H dẫn con bỏ đi. Anh với chị H đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh và xin ly hôn nên anh đồng ý.

- Về con chung: Anh với chị H có một con chung, cháu tên Giang Hồng L, sinh ngày 31/8/2019, hiện đang được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay con còn nhỏ, chị H có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con nên anh đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị H, cho chị H được ly hôn với anh N theo quy định của pháp luật, còn con chung cháu Giang Hồng L giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành sau khi ly hôn, không đặt ra xem xét đối với việc cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh Giang Quốc N được Tòa án triệu tập hợp lệ

tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, nguyên đơn chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật, còn bị đơn anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Bùi Thị H và bị đơn anh Giang Quốc N theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Bùi Thị H với anh Giang Quốc N cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2019 ngày 19/02/2019. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình anh N tại ấp B, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Đến cuối năm 2019 thì giữa chị H với anh N xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên chị H bỏ về gia đình chị H tại Phú Yên sinh sống. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh N và không thể tiếp tục chung sống với anh N, nên làm đơn yêu cầu xin ly hôn. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Bùi Thị H với anh Giang Quốc N cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã An Hiệp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2019 ngày 19/02/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh N đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng cự cãi nhau, đến cuối năm 2019 chị H dẫn con bỏ về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Phú Yên ở, nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Còn anh N cho rằng do chị H xác định không còn tình cảm với anh và xin ly hôn với anh nên anh đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chị H cương quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn lại tình cảm vợ chồng và làm đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh N thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa chị H với anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và giữa chị H với anh N đã sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng để tiếp tục sống chung với nhau. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H đối với anh Giang Quốc N.

[4] Về con chung: Chị H với anh N có 01 con chung tên Giang Hồng L, sinh ngày 31/8/2019, hiện cháu L đang được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Lĩnh đang được chị H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Lĩnh còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, nên giao con cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo hơn, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Giang Hồng L cho chị H được

quyền trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp điều kiện thực tế và quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Giang Quốc N.

2/ Về con chung: Giao cháu Giang Hào L, sinh ngày 31/8/2019 cho chị Bùi Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Giang Quốc N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Bùi Thị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005178 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị H đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã An Hiệp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha